

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy chế kiểm soát dư lượng các chất độc hại
trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 79/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 20 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 26 tháng 7 năm 2003 và Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2002/QĐ-BTS ngày 17/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc ban hành quy chế kiểm soát dư lượng các chất độc

hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.

phổ trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lương Lê Phương

QUY CHẾ

kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

*(ban hành kèm theo Quyết định số 130/2008/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định trình tự thủ tục triển khai và trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị có liên quan tới Chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi dùng làm thực phẩm (sau đây gọi tắt là Chương trình dư lượng).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; các cơ sở nuôi thủy sản; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường dùng trong nuôi thủy sản; các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản nuôi (sau đây gọi tắt là cơ sở).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dư lượng các chất độc hại (sau đây gọi tắt là dư lượng): là phần còn lại của

thuốc thú y, chất kích thích sinh trưởng và sinh sản, chất xử lý môi trường nuôi, các chất độc hại có nguồn gốc từ thức ăn, từ môi trường nuôi và các chất chuyển hóa của chúng tồn lưu trong thủy sản nuôi có thể gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng.

2. Vùng nuôi thủy sản (sau đây gọi tắt là vùng nuôi): là tập hợp những vùng nước (sông, phá, ao, đầm,...) được sử dụng để nuôi thủy sản chịu chung ảnh hưởng của các tác nhân môi trường xung quanh.

3. Cơ sở nuôi thủy sản: là nơi có hoạt động trực tiếp nuôi thủy sản, trong đó các ao/đầm/bè nuôi có cùng hình thức nuôi và sử dụng chung nguồn nước cấp và hệ thống thải nước, do một tổ chức, cá nhân làm chủ.

4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản: là nơi có hoạt động sản xuất hoặc ương/lưu con giống thủy sản, sử dụng để nuôi thủy sản hoặc bán cho các cơ sở nuôi thủy sản khác, do một tổ chức, cá nhân làm chủ.

5. Lô sản phẩm thủy sản nuôi: là tập hợp nhiều cá thể của một đối tượng động

vật thủy sản nuôi được thu hoạch cùng thời điểm tại một vùng nuôi/cơ sở nuôi thủy sản.

6. Phòng kiểm nghiệm: là các Phòng kiểm nghiệm đáp ứng các yêu cầu về năng lực phân tích chỉ tiêu dư lượng các chất độc hại được chỉ định bởi cơ quan do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 3. Căn cứ để thực hiện Chương trình dư lượng

Các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản nuôi; các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường trong nuôi thủy sản hoặc các quy định khác của Nhà nước có liên quan.

Điều 4. Cơ quan kiểm tra, Cơ quan giám sát

1. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (bao gồm các đơn vị trực thuộc) là Cơ quan kiểm tra: chủ trì, tổng hợp kế hoạch trình Bộ phê duyệt và tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Chương trình dư lượng.

2. Cơ quan được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản là Cơ quan giám sát: chủ trì xây dựng lập kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình dư lượng tại địa phương.

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC THIẾT LẬP VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

Điều 5. Xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm

1. Vào quý 4 hàng năm hoặc khi kết thúc vụ nuôi cuối cùng trong năm, Cơ quan giám sát chủ trì tổ chức điều tra, thu thập thông tin, khảo sát theo các bước:

a) Thu thập, thống kê thông tin cần thiết về tình hình thực tế nuôi trồng thủy sản trên địa bàn quản lý;

b) Tổ chức Đoàn khảo sát thực tế tại các địa điểm chưa đủ thông tin cần thiết.

2. Xác định vùng nuôi và đối tượng cần giám sát

a) Vùng nuôi và đối tượng giám sát theo từng vùng được xác định dựa trên các kết quả điều tra khảo sát và địa giới hành chính, tính khả thi trong việc triển khai Chương trình dư lượng tại địa phương;

b) Mỗi vùng nuôi được ký hiệu theo hướng dẫn thống nhất của Cơ quan kiểm tra;

c) Vẽ bản đồ các vùng nuôi được giám sát trong Chương trình dư lượng và cập nhật khi có sự điều chỉnh, bổ sung.

3. Cơ quan giám sát xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm trên địa bàn quản lý

theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra và báo cáo tới Cơ quan kiểm tra trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Phê duyệt và thông báo kế hoạch giám sát hàng năm

a) Cơ quan kiểm tra tổng hợp, xử lý báo cáo từ các cơ quan giám sát để xây dựng kế hoạch Chương trình dư lượng hàng năm. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản trình Bộ phê duyệt;

b) Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan kiểm tra tổ chức Đoàn thẩm tra các thông tin được Cơ quan giám sát báo cáo hoặc phối hợp với Cơ quan giám sát thực hiện việc khảo sát;

c) Kế hoạch giám sát hàng năm sau khi Bộ phê duyệt được Cơ quan kiểm tra thông báo đến Cơ quan giám sát và các cơ quan khác có liên quan để triển khai Chương trình dư lượng.

Điều 6. Triển khai Chương trình dư lượng

1. Cập nhật, điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu hàng tháng:

a) Trước ngày 22 hàng tháng, Cơ quan giám sát gửi tới Cơ quan kiểm tra Báo cáo giám sát về tình hình nuôi thủy sản tại các vùng nuôi thuộc Chương trình dư lượng và đề xuất điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu tháng tiếp theo (nếu cần);

b) Trước ngày 26 hàng tháng, căn cứ thông tin do Cơ quan giám sát cung cấp, Cơ quan kiểm tra điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu giám sát (nếu có) và thông báo kế hoạch lấy mẫu giám sát chính thức của tháng tiếp theo tới Cơ quan giám sát. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan kiểm tra tiến hành thẩm tra và yêu cầu cơ quan giám sát giải trình các nội dung (thông tin) không phù hợp.

2. Lấy mẫu, chỉ định chỉ tiêu, gửi mẫu phân tích:

a) Căn cứ vào kế hoạch được thông báo, Cơ quan giám sát tiến hành xác định vị trí, đối tượng lấy mẫu; lấy mẫu, chỉ định chỉ tiêu phân tích cụ thể cho từng mẫu và gửi mẫu tới Cơ quan kiểm tra;

b) Trình tự thủ tục lấy mẫu, bảo quản, giao nhận mẫu được thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra;

c) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi lấy mẫu, Cơ quan giám sát phải gửi mẫu tới Cơ quan kiểm tra;

d) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận mẫu, Cơ quan kiểm tra phải gửi mẫu tới các Phòng kiểm nghiệm chỉ định để phân tích;

đ) Định kỳ 6 tháng/lần (hoặc đột xuất), Cơ quan kiểm tra tổ chức thẩm tra hoạt động lấy mẫu của Cơ quan giám sát.

3. Phân tích mẫu và thông báo kết quả giám sát:

a) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận mẫu, Phòng kiểm nghiệm phải phân tích và cung cấp kết quả tới Cơ quan kiểm tra;

b) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có đủ các kết quả phân tích, Cơ quan kiểm tra phải gửi Thông báo kết quả giám sát hàng tháng tới các Cơ quan giám sát và các cơ quan nêu tại Điều 10, Điều 11 của Quy chế này;

c) Đối với các mẫu phân tích phát hiện dư lượng vượt giới hạn tối đa cho phép: Phòng kiểm nghiệm phải thông báo kết quả tới Cơ quan kiểm tra trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi có kết quả phân tích chính thức (bao gồm cả kết quả phân tích khẳng định đối với các mẫu đã phát hiện dương tính bằng phương pháp phân tích sàng lọc). Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả, Cơ quan kiểm tra phải có văn bản thông báo đến Cơ quan giám sát và các cơ quan nêu tại Điều 10, Điều 11 của Quy chế này yêu cầu xác định nguyên nhân, triển khai các biện pháp khắc phục theo thủ tục nêu tại Chương III;

d) Ngay sau khi kết thúc xác định nguyên nhân và triển khai các biện pháp khắc phục đối với các trường hợp phát hiện dư lượng vượt giới hạn tối đa cho phép nêu tại điểm b, khoản 3 Điều này, Cơ quan giám sát có văn bản báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan kiểm tra và các cơ quan có liên quan nêu tại Điều 10,

Điều 11 của Quy chế này và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ sở tùy theo mức độ vi phạm.

Chương III

THỦ TỤC TRIỂN KHAI BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC KHI PHÁT HIỆN DƯ LƯỢNG VƯỢT GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP

Điều 7. Trường hợp phát hiện dư lượng vượt giới hạn tối đa cho phép trong thủy sản nuôi:

1. Tại công đoạn sản xuất, kinh doanh giống thủy sản: Cơ quan giám sát có văn bản cảnh báo, xác định nguyên nhân và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp; lấy mẫu giám sát tăng cường cơ sở sản xuất, kinh doanh giống và cơ sở nuôi có sử dụng giống từ cơ sở bị phát hiện.

2. Tại thời điểm đang nuôi: Cơ quan giám sát có văn bản cảnh báo, xác định nguyên nhân và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp và lấy mẫu giám sát dư lượng tăng cường. Thời điểm lấy mẫu tăng cường phụ thuộc mức độ đào thải của chất bị phát hiện theo hướng dẫn thống nhất của Cơ quan kiểm tra.

3. Tại thời điểm chuẩn bị hoặc đang thu hoạch:

a) Cơ quan giám sát có văn bản tạm đình chỉ thu hoạch, xác định nguyên nhân

và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp; yêu cầu và giám sát nuôi lưu, lấy mẫu giám sát dư lượng tăng cường theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra. Khi kết quả kiểm tra mẫu tăng cường đạt yêu cầu, Cơ quan giám sát có văn bản cho phép cơ sở thu hoạch;

b) Đối với các chất đào thải chậm (cụ thể theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra): Cơ quan kiểm tra phối hợp với Cơ quan giám sát cho phép thu hoạch làm thực phẩm khi đáp ứng các yêu cầu cụ thể của thị trường tiêu thụ hoặc chuyển mục đích sử dụng.

4. Trường hợp cơ sở đã thu hoạch: Cơ quan giám sát có văn bản cảnh báo, xác định nguyên nhân và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp; tiến hành truy xuất lô sản phẩm thủy sản nuôi có nguồn gốc từ cơ sở; lấy mẫu giám sát dư lượng tăng cường theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra.

5. Tại cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản nuôi: Cơ quan giám sát/Cơ quan kiểm tra có văn bản cảnh báo, xác định nguyên nhân và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp theo thẩm quyền; yêu cầu cơ sở tiến hành truy xuất nguồn gốc và cô lập lô sản phẩm thủy sản nuôi, lấy mẫu thẩm tra:

a) Khi kết quả đạt yêu cầu, cho phép giải phóng lô hàng;

b) Khi kết quả vẫn không đạt yêu cầu, chỉ cho phép sử dụng làm thực phẩm khi đáp ứng các yêu cầu cụ thể của thị trường tiêu thụ hoặc phải chuyển mục đích sử dụng.

Điều 8. Phát hiện các chất độc hại trong thức ăn, chất xử lý môi trường nuôi, thuốc thú y thủy sản vượt giới hạn tối đa cho phép

1. Cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đến các Cơ quan liên quan nêu tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Quy chế này.

2. Cơ quan giám sát có văn bản cảnh báo, xác định nguyên nhân và yêu cầu cơ sở thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp.

3. Cơ quan nêu tại Điều 10, Điều 11 của Quy chế này chủ trì triển khai các biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH DƯ LƯỢNG

Điều 9. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (Cơ quan kiểm tra)

1. Hướng dẫn Cơ quan giám sát xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn; tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương

trình dư lượng hàng năm trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; tổ chức triển khai theo kế hoạch được phê duyệt, định kỳ kiểm tra việc thực hiện theo các nội dung nêu tại Chương II.

2. Chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát triển khai các thủ tục nêu tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế này theo thẩm quyền.

3. Cập nhật, công bố hàng năm danh sách vùng nuôi và đối tượng thủy sản nuôi trong Chương trình dư lượng.

4. Chủ trì, phối hợp các Cơ quan liên quan nêu tại Điều 10, Điều 11 của Quy chế này; xây dựng và ban hành thống nhất Sổ tay hướng dẫn triển khai Chương trình dư lượng.

5. Cập nhật, công bố Danh mục các chỉ tiêu phân tích và mức giới hạn tối đa cho phép trong Chương trình dư lượng theo thẩm quyền trên cơ sở các quy định, quy chuẩn của Việt Nam, tiêu chuẩn, quy định của các nước/tổ chức quốc tế.

6. Chủ trì, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn triển khai thực hiện Chương trình dư lượng cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

7. Thông báo Danh sách các phòng kiểm nghiệm tham gia Chương trình dư lượng.

8. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện; chủ trì

đề xuất, kiến nghị những nội dung cần sửa đổi trong thực hiện Chương trình dư lượng.

9. Quản lý, sử dụng và phân bổ kinh phí được duyệt cho cơ quan có liên quan để thực hiện Chương trình dư lượng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

10. Yêu cầu Cơ quan giám sát định kỳ hoặc đột xuất báo cáo các nội dung nêu tại điểm a, khoản 1, Điều 6 và các thông tin có liên quan đến Chương trình dư lượng.

Điều 10. Cục Thú y

1. Chủ trì xây dựng trình tự, thủ tục xử lý các vấn đề liên quan đến cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản khi phát hiện các chất cấm sử dụng trong Chương trình dư lượng;

2. Phối hợp Cơ quan kiểm tra phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chương trình dư lượng đối với Cơ quan giám sát và các đối tượng có liên quan;

3. Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với Cơ quan giám sát triển khai các biện pháp xử lý nêu tại Điều 8 theo phạm vi quản lý;

4. Cập nhật, công bố Danh mục các loại thuốc thú y thủy sản được phép lưu hành.

Điều 11. Cục Nuôi trồng thủy sản

1. Chủ trì xây dựng trình tự, thủ tục

xử lý các vấn đề liên quan đến cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, chất xử lý môi trường nuôi thủy sản, cơ sở sản xuất giống bị phát hiện chất độc hại vượt giới hạn tối đa cho phép trong Chương trình dư lượng.

2. Phối hợp Cơ quan kiểm tra phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chương trình dư lượng đối với Cơ quan giám sát và các đối tượng có liên quan.

3. Chủ trì, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với Cơ quan giám sát triển khai các biện pháp xử lý nêu tại Điều 8 theo phạm vi quản lý.

4. Cập nhật, công bố Danh sách các loại thức ăn, chất xử lý môi trường nuôi thủy sản được phép lưu hành.

5. Phối hợp với cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng phương án xử lý khi có sự cố về môi trường vùng nuôi.

6. Thông báo kịp thời kết quả quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản cho Cơ quan giám sát để kịp thời điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu hàng tháng (nếu có).

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ định và chỉ đạo Cơ quan giám sát chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình dư lượng thuộc địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo việc phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về Chương trình dư lượng.

3. Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc phối hợp với Cơ quan giám sát thực hiện thủ tục triển khai các biện pháp khắc phục khi phát hiện dư lượng vượt giới hạn tối đa cho phép.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình dư lượng tại địa phương.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động kiểm soát dư lượng tại địa bàn quản lý.

Điều 13. Cơ quan giám sát

1. Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 5; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6; Điều 7 của Quy chế này trên địa bàn quản lý.

2. Hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh giống; cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản; cơ sở nuôi; cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản nuôi tuân thủ các quy định trong Quy chế này; phối hợp với Cơ quan Kiểm tra và các cơ quan liên quan lập kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn triển khai Chương trình dư lượng cho các đối tượng có liên quan.

3. Chủ trì và phối hợp thực hiện các biện pháp khắc phục theo các thủ tục nêu tại Chương III Quy chế này.

4. Định kỳ cập nhật Danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường, giống thủy sản; cơ sở nuôi thủy sản thương phẩm trên địa bàn quản lý.

5. Phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về dư lượng trong sản phẩm thủy sản nuôi.

6. Yêu cầu các cơ sở sản xuất giống; cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản; cơ sở nuôi; cơ sở thu mua nguyên liệu thủy sản nuôi chấp hành việc thu mẫu; cung cấp thông tin liên quan; các biện pháp khắc phục phải thực hiện trong Chương trình dư lượng.

7. Quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ theo kế hoạch hàng năm trong Chương trình dư lượng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 14. Phòng kiểm nghiệm

1. Tuân thủ đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các Phòng kiểm nghiệm được chỉ định;

2. Đảm bảo kết quả kiểm nghiệm chính xác, khách quan và thông báo kết quả đúng hạn; chịu trách nhiệm về kết

quả phân tích do Phòng kiểm nghiệm thực hiện.

3. Chỉ thông báo kết quả phân tích các mẫu trong Chương trình dư lượng cho Cơ quan kiểm tra.

Điều 15. Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, cơ sở nuôi thủy sản

1. Không sử dụng các loại thức ăn nuôi thủy sản, thuốc thú y, chất xử lý môi trường không có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc có chứa chất trong danh mục cấm sử dụng. Trường hợp có sử dụng các chất có giới hạn tối đa cho phép trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, phải ngừng sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Theo dõi, lưu trữ đầy đủ và cung cấp cho Cơ quan giám sát các thông tin về loài thủy sản, hình thức và diện tích/thể tích nuôi, thời điểm thu hoạch, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất đã sử dụng (nếu có) và các thông tin khác liên quan đến quá trình nuôi thủy sản khi được yêu cầu.

3. Chấp hành việc thu mẫu và các biện pháp giám sát, khắc phục của Cơ quan giám sát khi kết quả phân tích mẫu vượt giới hạn tối đa cho phép.

4. Cung cấp đầy đủ thông tin cho người mua về nguồn gốc, xuất xứ của lô giống thủy sản/lô sản phẩm thủy sản nuôi được thu hoạch.

5. Được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, phổ biến về kiến thức an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản do Cơ quan chức năng tổ chức.

6. Được cung cấp kết quả phân tích của các mẫu thu tại cơ sở của mình khi có yêu cầu.

Điều 16. Cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản nuôi

1. Thường xuyên cập nhật kết quả giám sát từ Cơ quan kiểm tra, cơ quan giám sát và các cơ quan liên quan.

2. Không thu mua sản phẩm thủy sản nuôi được thu hoạch từ vùng/cơ sở nuôi đang bị đình chỉ thu hoạch hoặc không rõ xuất xứ nguồn gốc; lập và lưu trữ đầy đủ các tờ khai xuất xứ của từng lô sản phẩm thủy sản nuôi.

3. Chấp hành việc thu mẫu và các biện pháp giám sát, khắc phục của Cơ quan kiểm tra/Cơ quan giám sát khi kết quả phân tích mẫu vượt giới hạn tối đa cho phép.

4. Cung cấp cho Cơ quan kiểm tra/Cơ quan giám sát về kết quả tự kiểm soát dư lượng hóa chất độc hại trong thủy sản nuôi của cơ sở và thông tin liên quan đến tình hình nuôi thủy sản tại các cơ sở/khu vực thu mua thủy sản nuôi (nếu có) khi được yêu cầu.

5. Được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, phổ biến về kiến thức an toàn

thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản do Cơ quan chức năng tổ chức.

6. Được cung cấp kết quả phân tích của các mẫu thu tại cơ sở của mình khi có yêu cầu.

Điều 17. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, chất xử lý môi trường nuôi thủy sản

1. Không sản xuất, kinh doanh các loại hóa chất, thuốc thú y, thuốc kích thích tăng trưởng, chất xử lý môi trường nuôi thủy sản chưa được phép lưu hành hoặc có thành phần thuộc Danh mục các chất cấm.

2. Theo dõi, lưu trữ đầy đủ thông tin (chủng loại, số lượng/khối lượng, nhà sản xuất và các thông tin cần thiết khác) và cung cấp cho Cơ quan giám sát thông tin về thức ăn, thuốc thú y, thuốc kích thích tăng trưởng, chất xử lý môi trường nuôi thủy sản sản xuất, kinh doanh tại cơ sở khi được yêu cầu.

3. Chấp hành việc thu mẫu và các biện pháp giám sát, khắc phục và xử lý của Cơ quan giám sát và cơ quan chức năng khi kết quả phân tích mẫu vượt giới hạn tối đa cho phép.

4. Được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, phổ biến về kiến thức an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản do Cơ quan chức năng tổ chức.

5. Được cung cấp kết quả phân tích của các mẫu thu tại cơ sở của mình khi có yêu cầu.

và mức độ của hành vi có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật định.

Chương V

KHIẾU NẠI, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm Quy chế này theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại, tố cáo.

2. Các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Chương trình dự lượng theo đúng trình tự, thủ tục của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm Quy chế này tùy theo tính chất

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện, Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tập hợp các ý kiến đề xuất của mọi tổ chức, cá nhân về những vướng mắc trong việc thực hiện Quy chế, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lương Lê Phương